

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ  
LƯỢNG THỌ  
TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH  
ĐẲNG GIÁC KINH**

**TỊNH KHÔNG PHÁP SƯ CHỦ GIẢNG  
TẠI CƯ SĨ LÂM SINGAPORE  
(Tháng 11 năm 1994)  
Chuyển ngữ: Cư Sĩ Thanh Trí**

**Biên Soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo  
Biên tập và hiệu đính: Cư sĩ Thiện Đức**

## TẬP 08

*“Siêu quá vô biên ác thú môn  
Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh nạn.  
Vô minh tham sân giai vĩnh vô  
Hoặc tận quá vong Tam-muội lực.”*

(Ra hẳn vô biên đường ác đạo  
Mau đến Bồ-đề bờ cứu cánh.

Vô minh tham sân đều dứt sạch  
Tuyệt hẳn hoặc lỗi, đắc tam-muội.)

Đoạn này cùng với phần trên tổng cộng là sáu câu, gồm bài kệ tụng thứ tư cộng với hai câu đầu của bài thứ năm, hoàn toàn giảng về đức tự lợi của Bồ-tát. Bởi vì có trí huệ sâu rộng, *trí huệ* đã nói ở phần trước rồi, là từ trong tâm thanh tịnh sanh ra, do đây có thể biết, tu hành tâm thanh tịnh quả thật là then

chốt của việc tu học. “*Siêu quá vô biên ác thú môn*”, “*ác thú*” không những chỉ cho tam ác đạo, trong lục đạo thì tam thiện đạo tốt hơn rất nhiều so với tam ác đạo. Chúng ta gọi tam ác đạo là ác thú. Nếu lấy thập pháp giới mà nhìn thì ngay đến trời người cũng là ác thú, vì sao? Họ không thể thoát ly sinh tử luân hồi. Phật trong kinh thường cảm thán rằng trong lục đạo “*sanh tử bì lao*” (sinh tử nhọc nhằn), đây là hiện tượng chân thật. Ngoài tam giới ra còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát. Bồ-tát vẫn chưa phá sạch vô minh, so sánh với Phật thì họ cũng là ác thú. Cho nên ở đây, “*ác thú môn*” bao hàm vô cùng rộng lớn. “*Siêu quá vô biên ác thú môn*”, hàm ý chân thật của câu này là siêu việt chín pháp giới, từ câu tiếp theo chúng ta sẽ nhìn thấy rất rõ ràng.

“*Tốc đao Bồ-đề cứu cánh ngạn*”, chữ “*cứu cánh*” là quả địa Như Lai, bởi vì Đẳng Giác Bồ-tát cũng chưa cứu cánh. Do đây có thể biết “*vô biên ác thú môn*” ở phía trước bao gồm chín pháp giới hữu tình chúng sanh. Đây mới hiển thị sự thù thắng không gì sánh bằng của Tây Phương Tịnh Độ. “*Vô minh tham sân giai vĩnh vô*”, “*vô minh*” là vọng tưởng, “*tham sân si*” là phiền não, cũng là nói vĩnh viễn đoạn trừ vọng tưởng, chấp trước rồi. “*Hoặc*” là mê hoặc, “*quá*” là lỗi lầm, trong đây ý nói tập khí của tam độc đều hết sạch. Làm cách nào để đoạn dứt sạch? “*Tam-muội lực*”, chữ “*Tam-muội*” ở đây, tôi tin rằng mỗi vị đồng tu đều lĩnh hội được là niệm Phật Tam-muội. Quý vị hãy xem cho kỹ, sáu câu này là dùng “*trí huệ*” làm đầu. Vừa mở đầu là “*trí huệ quảng đại thâm như hải*” và lấy

“*Tam-muội*” làm kết thúc, đều quay về “*Tam-muội*”, ý nghĩa này vô cùng sâu sắc. Đây là điều chúng ta cần phải biết, phải cẩn thận lĩnh hội thâm ý của nó. Do đây có thể biết hình dáng của Tam-muội chính là tâm thanh tịnh, không những là Tịnh Tông, mà Phật pháp Đại Tiểu Thừa đều tu tâm thanh tịnh. Bởi vì tâm thanh tịnh có cạn sâu, thuần tạp không đồng nhau cho nên mới nói Tam Thừa, mới nói thứ bậc quả vị. Nếu thanh tịnh đạt đến cứu cánh viên mãn, thì là cảnh giới chúng đấng trên quả địa Như Lai. Cho nên, hễ học Phật, bất luận là pháp môn nào, bất luận là Tông phái nào, người biết tu, người có công phu đắc lực đều từ trên tâm thanh tịnh mà dụng công, cũng là nói ra sức tu Tam-muội, như vậy mới là đệ tử Phật chân chánh.

Phần kinh văn tiếp theo là nói cầu trí huệ đức năng trên quả địa Phật, như thế mới có thể giúp người khác giác ngộ, là thuộc về đức giác tha, phần trước là tự giác, tự giác nhất định phải giác tha.

***“Diệc như quá khứ vô lượng Phật”***

(Như vô lượng Phật đời quá khứ).

Câu này chúng ta cũng phải coi trọng. Muốn thành tựu trí huệ trên quả địa Như Lai thì nhất định phải phụng sự vô lượng Phật, vậy mới có thể thành tựu vô lượng trí huệ. Nếu chúng ta không có năng lực, thật tình mà nói, với nghiệp chướng sâu nặng của chúng ta hiện nay, một vị Phật cũng không gặp được thì làm sao có khả năng đi phụng sự vô lượng Phật? May thay, Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta Vô Lượng Thọ Phật, chính là đại biểu của vô lượng Phật. Chúng ta có thể

phụng sự Vô Lượng Thọ Phật, tức là A-di-đà Phật thì chắc chắn có cơ hội phụng sự vô lượng Phật, điều này tới phần sau chúng ta sẽ thấy.

***“Vi bỉ quần sanh đại Đạo sư”***

(Làm đại Đạo sư khắp quần sanh).

Chư Phật BỒ-tát ứng hóa tại thế gian dùng thân phận của Phật, thân phận của BỒ-tát giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh ngay trong một đời vãng sanh bất thoái thành Phật. Đây là đại đạo sư chân thật dắt dẫn chúng sanh liễu sanh tử, xuất tam giới. Vậy nói cách khác, câu nói này là đặc biệt chỉ cho “ngũ trược ác thế đạo quy Cực Lạc” (dẫn dắt chúng sanh trong ngũ trược ác thế quay về Cực Lạc).

***“Năng cứu nhất thiết chư thế gian,***

## ***“Sanh lão bệnh tử chúng khổ não”***

(Hay cứu tất cả sự khổ não

Sanh già bệnh chết của chúng sanh)

Chúng sanh hữu tình chín pháp giới là “*nhất thiết chư thế gian*”, như vừa rồi nói ngoài lục đạo còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát. Bồ-tát nếu không vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì họ rất khó đoạn dứt phiền não vô minh, Bồ-tát cũng cầu vãng sanh. Không những Bồ-tát thông thường cầu vãng sanh, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Ngài Văn-thù, Phổ Hiền đều cầu vãng sanh Tịnh Độ hướng chỉ những người khác, điều này chúng ta cần phải cảnh giác. A-di-đà Phật chỉ dùng sáu chữ danh hiệu “*Nam-mô A-di-đà Phật*” thì có thể phổ độ chúng sanh hữu tình chín pháp giới, đây là có thể cứu “*nhất thiết chư thế gian*”. Công đức sáu



chữ hồng danh không thể nghĩ bàn. “*Sanh lão bệnh tử*”, đây là việc mà lục đạo phàm phu không một ai có thể tránh khỏi.

Ngoài bốn chữ này ra còn có “*câu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, ngũ ấm sí thạnh khổ*”. Thế Tôn trong rất nhiều kinh luận nói với chúng ta về tám thứ khổ. Con người ở trong lục đạo bị tám thứ khổ cùng lúc dày vò bức bách, công đức của danh hiệu có thể cứu, quả thật có thể cứu. Ý nghĩa này tức là chân tướng sự thật. Trong Kinh Vô Lượng Thọ hiển thị rất rõ ràng minh bạch. Quả thật có thể giúp đỡ chúng ta, cái khổ lớn nhất của đời người là tử khổ, pháp môn này có thể dạy cho chúng ta không chết, có thể dạy chúng ta không sanh bệnh, có thể dạy chúng ta không già, chỉ cần bạn thực sự tin, thật sự hiểu rõ được ý thú trong kinh điển, chịu hết lòng y

giáo phụng hành. Vì nguyên nhân gì vậy? Bởi vì những thứ khổ não này bao gồm sanh lão bệnh tử, tám khổ, ba khổ. Căn nguyên của nó là vọng tưởng chấp trước. Niệm Phật Tam-muội, tâm thanh tịnh thì có thể nhổ trừ những gốc bệnh này. Bệnh căn đã nhổ hết rồi thì sự tướng của những thứ khổ não này tự nhiên sẽ không còn nữa. Cho nên đây là phương pháp chân chánh để trị tận gốc. Phật đã truyền thọ cho chúng ta rồi, vấn đề là chính chúng ta có chịu chấp nhận hay không, quả thật hoàn toàn chấp nhận rồi, chấp nhận một trăm phần trăm thì xin chúc mừng bạn, bạn không còn bệnh gì nữa. Nếu chấp nhận được tám phần, vậy bạn vẫn còn hai phần khổ não, bạn vẫn chưa hoàn toàn thoát khổ. Do đây có thể biết, Phật hoàn toàn chỉ dạy cho chúng ta, xem chính chúng ta lý giải được bao nhiêu? Chịu chấp

nhận được bao nhiêu? Sau đó trong sinh hoạt hằng ngày của chính chúng ta có thể làm được bao nhiêu? Đây đều là việc của chính chúng ta, Phật đã dạy hết rồi.

Phần dưới là nói về hành vi sinh hoạt vô cùng cụ thể. Đây là hành vi sinh hoạt khỏe mạnh, vui tươi, là hành vi sinh hoạt bình thường của chư Phật Bồ-tát. Chúng ta phải biết cách làm, đương nhiên càng phải biết vì sao phải làm.

***“Thường hành Bồ Thí cập Giới, Nhân  
Tinh Tấn, Định, Huệ, lục Ba-la”***

(Thường tu bồ thí, giới, nhân nhục  
Tinh tấn, định, huệ sáu Ba-la)

“Thường” là vĩnh viễn không gián đoạn.  
“Bồ thí” là gì? Là buông xuống, là xả, bạn phải chịu xả, phải chịu buông xuống. Buông

cái gì? Phải buông xuống hết, phải xả bỏ hết tất cả những gì làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta. *Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn* của thế gian đều là những thứ làm ô nhiễm tâm thanh tịnh, đều là gốc bệnh của sanh tử phiền não. Cho nên phải xả bỏ cho thật sạch sẽ rốt ráo, đó là dạy bạn Bồ Thí. Người thế gian nghe đến Phật pháp, biết Phật pháp là hay, Bồ-tát đã tu bồ thí Ba-la-mật rồi cũng đều nói ra được điều này. Vì sao tự mình không chịu làm? Vì luyến tiếc. Nói cách khác không buông nổi. Vì sao không thể buông xuống? Cuộc sống của chúng ta quá khổ, khó khăn lắm mới có được. Rất khó mới có được nên bảo bạn phải bỏ đương nhiên cũng khó. Chúng ta không biết nhân quả ở bên trong, không biết đạo lý ở bên trong, cho nên mới có rất nhiều chướng ngại.

Bởi thế nhất định phải thường thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, phải lĩnh hội giáo nghĩa trong kinh Đại Thừa, hiểu rõ đạo lý rồi, rõ ràng nhân quả rồi thì tự nhiên bạn sẽ chịu xả, tự nhiên bạn sẽ chịu buông xuống.

Đã hiểu rõ lý, trong tâm khai giải rồi. Chúng ta sợ dĩ không chịu xả vì e sợ cuộc sống của mình có khó khăn. Thí dụ nói tiền tài, sau khi xả bỏ rồi thì ngày tháng của tôi sẽ rất khổ sở. Cái này là do chúng ta đang khởi vọng tưởng, nghĩ sai rồi, không phải là chân tướng sự thật. Tiền tài đó càng xả thì cuộc sống của bạn càng tự tại, càng phong phú, hoàn toàn tương phản với sự tưởng tượng của chúng ta. Chúng ta không rõ đạo lý, không biết được chân tướng của sự thật, cho nên trong lòng mới có xan tham. Tham là tham cầu, xan là không nỡ xả, nên mới có nhiều

bệnh như vậy. Cho nên xả tài thì tiền tài của bạn nhất định không thiếu thốn. Bạn bố thí pháp thì nhất định được thông minh trí huệ. Bạn có thể giúp đỡ tất cả những người bị khổ nạn thì bạn nhất định sẽ khỏe mạnh trường thọ, nhân duyên quả báo tư hào không sai. Bồ-tát tu bố thí, đưa bố thí vào cương lĩnh tu hành thứ nhất, cho thấy nó quan trọng vô cùng.

“*Giới*” là trì giới, một trong sáu đại cương lĩnh của Bồ-tát hạnh. Phạm vi của trì giới vô cùng rộng lớn, là nghĩa rộng không phải nghĩa hẹp, nói nghĩa rộng là sao? Tức là thủ pháp, chúng ta phải tuân thủ tất cả những lời giáo huấn của Phật. Không chỉ là ngũ giới, thập giới, Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới, không chỉ là những giới này, phạm vi đó quá nhỏ hẹp, mà chúng ta phải tuân thủ tất cả những

lời dạy bảo. Ngoài việc này ra, chúng ta ngày nay sống tại thế gian, chúng ta không thể rời khỏi xã hội, không thể rời khỏi mọi người, chúng ta phải sống chung với mọi người trong xã hội để duy trì xã hội. Quốc gia có hiến pháp, địa phương có luật lệ quy định, đối với những phong tục tập quán, quan niệm đạo đức thông thường không có văn tự ghi chép chúng ta đều có nghĩa vụ phải tuân thủ. Như vậy mới có thể duy trì sự an định phồn vinh của xã hội, điều này là trì giới.

Điều thứ ba là “*nhẫn nhục*”, nhẫn nhục tất cả sự việc. Chúng ta phải có lòng nhẫn nại, xử sự đối người tiếp vật đều phải nhẫn nại, còn tu học thì sao? Càng phải nhẫn nại. Trong kinh Kim Cang, Phật nói với chúng ta “*nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn*” (hết thấy các pháp do Nhẫn mà thành tựu) câu nói này đích

thực là chân lý. Bất luận là Phật pháp, thế pháp chúng ta đều phải có tâm nhẫn nại, chỉ có tâm nhẫn nại mới có thể đạt được thành tựu viên mãn.

Tiếp theo là “*ting tấn*”, tôi nghĩ câu này người hiện đại có cảm xúc rất sâu. Thời đại này đang tiến bộ không ngừng, đặc biệt là khoa học ngày càng mới lạ, đều đang cầu tiến bộ, “tấn” tức là tiến bộ. Tuy nhiên, Phật dạy chúng ta phải tinh tấn. “Tinh” là thuần mà không tạp, không phải tạp tấn, không phải loạn tấn, mà là tinh tấn. Điều này dùng cho pháp thế gian cũng vô cùng chính xác. Chúng ta học ở trường, khoa hệ mà chúng ta học “một môn tinh tấn” thì sẽ rất dễ thành tựu. Bước vào xã hội, làm bất cứ ngành nghề nào, bạn tinh tấn trong ngành nghề của mình thì cũng rất dễ thành tựu. Cùng một đạo lý như



vậy, học Phật pháp cũng không là ngoại lệ. Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, Phật không bắt chúng ta môn nào cũng phải học. Không phải như vậy, mà muốn chúng ta thâm nhập một môn, không phải bảo chúng ta học tất cả các môn. Chỉ có một môn mới vào được, cho nên phải tinh tấn. Hai môn, ba môn sẽ không vào được. Giống như giảng đường của chúng ta đây, ba mặt đều có nhiều cửa, bạn muốn vào thì chỉ có thể đi vào một cửa, bạn muốn cùng một lúc đi vào hai, ba cửa, bạn thử xem có thể vào được hay không? Thế nhưng trong Tứ Hoàng Thệ Nguyễn rõ ràng lại nói “*pháp môn vô lượng thệ nguyễn học*” như vậy nghĩa là sao?

Quý vị phải biết, đó là sau khi đã vào cửa rồi, bạn có thể thông đạt tất cả pháp môn để giúp đỡ tất cả mọi người. Bạn xem họ thuộc

căn cơ gì thì bạn chỉ dẫn họ đi từ cửa đó mà vào, cho nên cửa nào bạn cũng biết. Còn khi mình nhập môn là chỉ một cửa thôi, vào được một môn rồi thì các môn đều thông đạt hết. Trong Phật môn chúng ta thường nói một bộ kinh thông thì tất cả kinh đều thông, là đạo lý như vậy. Nói cách khác, chúng ta muốn thông tất cả kinh, làm cách nào để thông? Một bộ kinh thông rồi thì tất cả kinh đều thông. Phải biết đạo lý này, nếu bạn quả thật hiểu rõ như vậy rồi thì học Phật sẽ không khó, không hiểu rõ thì mới thật là khó.

Cho nên bạn phải thật thông một bộ kinh, rốt cuộc phải thông đến đâu mới được gọi là thông? Phải **thông đến tự tánh**, đó mới là thông. Nhà Thiền nói “Minh Tâm Kiến Tánh” kiến tánh thì thông rồi. Giáo hạ nói “Đại Khai Viên Giải”. “Đại Khai Viên Giải”

là cùng một cảnh giới với “Minh Tâm Kiến Tánh” của Thiền Tông, là một sự việc, chỉ là cách nói khác, vậy thì thông rồi. Còn Tịnh Độ Tông chúng ta thì gọi là “Nhất Tâm Bất Loạn”. Cho nên bạn hãy đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn thì bạn thông rồi. Nhất Tâm Bất Loạn, Đại Khai Viên Giải, Minh Tâm Kiến Tánh, danh từ tuy có khác nhưng sự thật chỉ là một việc, cùng một cảnh giới. Vì sao đến cảnh giới này thì tất cả đều thông? Bởi vì Phật nói với chúng ta, đương nhiên đây là sự thật “tất cả các pháp thế xuất thế gian đều là tự tánh lưu xuất ra”. Đã kiến tánh rồi, vậy còn pháp nào không thông nữa chứ? Đương nhiên là thông đạt. Đương nhiên hiểu rõ. Tất cả pháp thế xuất thế gian đều có thể thông đạt hiểu rõ. Đây là điều mà người học Phật không thể không biết. Bạn thật sự hiểu rõ thì bạn mới

một lòng một dạ, một môn thâm nhập. Trong Tịnh Tông của chúng ta, chúng ta niệm Phật, chúng ta tu hành, mục đích của chúng ta là cầu Niệm Phật Tam-muội, Niệm Phật Tam-muội thành tựu rồi, đó là điều mà chúng ta đã nói ở phía trước: “*Trí huệ quảng đại thâm như hải, nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao*”, cảnh giới này sẽ lập tức hiện tiền. Cho nên phải tinh tấn, tối kỵ nhất là tạp tấn, loạn tấn, thì rất khó thành tựu. Bởi thế học điều gì không thể học tạp.

Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát nói với chúng ta: “Niệm Phật tối kỵ là xen tạp”. Xen tạp thì rất khó thành tựu. Không những không thể xen tạp pháp thế gian mà Phật pháp cũng không thể xen tạp. Tỉ như chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, công khóa mỗi ngày của chúng ta

chỉ niệm Kinh Vô Lượng Thọ hoặc niệm kinh A-di-đà, đây tức là chuyên. Ngoài kinh A-di-đà ra ta còn phải niệm kinh Kim Cang, còn phải niệm Phẩm Phổ Môn, còn phải niệm kinh Dược Sư, rồi lại phải lạy Đại Bi Sám, đây gọi là xen tạp. Vậy cái tấn này gọi là loạn tấn, quá nhiều thì loạn tấn, hỗn loạn lung tung là tạp tấn, việc này rất khó mà thu được hiệu quả. Cho nên phải biết chuyên.

Vậy những người thích bái Sám? Chư Phật Bồ-tát quả có phương tiện, có Tịnh Độ sám. Nói tóm lại, đều không xả bỏ Pháp môn này. Như thế là đúng. Cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn quyển Tịnh Tu Tiệp Yếu, đây là Sám Pháp đơn giản nhất, nếu vẫn còn chệch chưa đủ, Ngài còn soạn một bộ Bảo Vương Tam-muội sám, điều này thì được, đều thuộc về Tịnh Tông, cái này dùng cho những người thích bái Sám.

Kỳ thật bất luận là bái Sám gì đều không tốt bằng bái A-di-đà Phật, đây mới gọi là tinh chuyên, thật sự tinh tấn, sau khi tinh tấn tất có định, chúng ta thường gọi là thiền định. Thiền định là cách gọi chung, tuyệt đối không phải chỉ cho việc tĩnh tọa tu thiền trong Thiền Tông. Thiền định trong Lục Độ là tâm có chủ thể, không bị ngoại cảnh bên ngoài cảm dỗ gọi là định.

Chúng ta cử một tỉ dụ, trong thế gian pháp, ở nơi chợ búa hiện nay, bất luận là sản phẩm gì, đều rất mới lạ. Bạn xem rồi không động tâm, đây là bạn có định, đã được định rồi thì không bị cảm dỗ. Trong việc tu hành có rất nhiều Pháp môn, rất nhiều phương thức, bạn nghe qua rồi, nhìn thấy rồi, tôi vẫn chỉ niệm A-di-đà Phật của tôi, không bị nó lay động. Không phải vừa nhìn thấy thì “Ồ! Có một vị

thiền sư mới tới, chúng ta đi học ngồi thiền, đằng kia có một vị Thượng Sư Mật Tông mới đến, tôi phải đi học niệm chú”, như thế là sai. Như vậy là bạn không có định, tâm của bạn duyên theo cảnh giới mà chuyển, bạn không làm chủ được. Cho nên định là trong tâm có chủ tể, không bị ngoại cảnh làm lay chuyển, đây gọi là thiền định. Cho đến sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, chúng ta có qui luật của mình, không bị hoàn cảnh làm chuyển biến, những thứ này đều gọi là “Định”. “Huệ”, đơn giản mà nói là có khả năng phân biệt chân giả. Hiện nay, thế gian này đồ giả nhiều lắm, phải có khả năng phân biệt. Ngay đến Phật pháp cũng có chân có giả, có tà có chánh, có thị có phi, có lợi có hại, bạn có khả năng phân biệt thì đây là trí huệ.

Do đây có thể biết trong hành môn của Bồ-tát, sáu cương lĩnh này hoàn toàn là dạy chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày, cho đến tiêu chuẩn đối người, tiếp vật, xử sự. Chúng ta phải phù hợp với tiêu chuẩn này, gọi là sáu Ba-la-mật. Ba-la là tiếng Phạn, ý nghĩa là viên mãn, công đức viên mãn. Chúng ta hết lòng tu học thì nhất định sẽ đạt được nguyện vọng mong muốn trong việc tu học của chính mình. “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa Phật hễ có cầu tất có ứng).

***“Vị độ hữu tình linh đặc độ  
Dĩ độ chi giả sử thành Phật  
Giả linh cúng dường hằng sa Thánh***



## ***Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác.”***

(Hữu tình chưa độ khiến được độ

Kẻ đã độ rồi khiến thành Phật

Giả sử cúng dường hằng sa Thánh,

Không bằng kiên dũng cầu Chánh Giác).

Trong bài kệ tụng thứ bảy này, đặc biệt là hai câu sau cùng vô cùng quan trọng, cho chúng ta sự khái thị rất lớn, đều là yêu cầu chúng ta phải học tập ngay trong đời sống của mình. Người chưa được độ đang vây quanh bốn phía chúng ta, bà con quyến thuộc trong nhà, hàng xóm, đồng hương, bạn bè, bạn học, đồng nghiệp của chúng ta, rất nhiều người chưa được tiếp xúc với Phật pháp, chưa được độ. Chúng ta quen biết họ, quen biết tức là duyên phần. Ta học Phật rồi, ta biết được cái hay của Phật pháp, ta phải đem Phật pháp giới thiệu cho họ, đây là gì? Đây là trách nhiệm

của chúng ta, là nghĩa vụ của chúng ta. Ta quen thân với họ, phải đem Phật pháp giới thiệu cho họ, đây tức là người chưa được độ cần đi độ họ. Còn những người chúng ta chưa quen biết, người xa lạ, chúng ta cũng có tâm độ họ, không thể không có tâm nguyện này, cũng phải có một số phương tiện thiện xảo. Thí dụ chúng ta là người học Phật, bất luận đi đến chỗ nào, nên mang theo vài quyển sách nhỏ về Phật pháp bên mình, vì sao vậy? Biết đâu gặp được người quen thì có thể tặng họ một quyển, nếu không mang theo sách thì chúng ta có thể in nhiều tấm thẻ như vậy mang theo rất dễ dàng. Thường giữ tâm này, thường có ý niệm này, đem Phật pháp đi khắp nơi truyền cho mọi người. Tôi mỗi lần đi máy bay, ở chỗ ngồi của tôi có cái túi ở phía trước mặt, tôi đều bỏ một quyển kinh, khi chúng tôi

xuống máy bay, vẫn để quyển kinh ở trên đó cho người sau xem. Chúng tôi có ý niệm như vậy. Chúng tôi in rất nhiều, mọi người lấy tùy ý, lấy hết chúng tôi lại in tiếp, phải có tâm như vậy. Thường xuyên có tâm này để giúp đỡ mọi người, người xa lạ chúng ta cũng giúp đỡ huống hồ là người quen biết.

“*Dĩ độ chi giả*”, nghĩa là người đã học Phật, đối với Phật pháp có tín ngưỡng rất sâu. Ta nên khuyên những người này niệm Phật vãng sanh, khiến cho họ thành Phật. Chúng ta biết được trong tất cả Pháp môn, trong một đời nhất định có thể thành Phật thì chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cho nên chúng ta phải đem Pháp môn này giới thiệu cho những người đã học Phật rồi. Họ không thể tiếp nhận, đó là do họ có chướng ngại, có chướng ngại thì chúng ta nhẫn nại từ từ chờ,

đợi khi nghiệp chướng của họ tiêu trừ rồi thì họ sẽ hồi đầu. Cho nên phải có tâm nhẫn nại và phải có thể hoan hỷ giúp đỡ họ. Hai câu dưới đây rất hay:

“*Giả linh cúng dường hằng sa Thánh*”, đây là nói về biệt hạnh của chúng ta, nghĩa là tu học những Pháp môn khác. “Thánh” là thánh nhân, “hằng sa” là con số, chư Phật Bồ-tát, La-hán nhiều như số cát của sông Hằng. Bạn cúng dường được nhiều như vậy, phước báo của bạn đương nhiên rất lớn. Phước báo lớn không thể liễu sanh tử, điều này quý vị phải biết. Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư, có nói trong Bảo Đàn Kinh: “Phước đức không thể cứu”, “cứu” là nói sanh tử luân hồi. Phước báo dù có lớn hơn cũng không thể cứu được. Câu này là nói về tu phước.

*“Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác”.*  
*“Kiên”* là lòng tin kiên định, chí nguyện kiên định, dũng mãnh tinh tấn cầu vãng sanh.  
*“Chánh Giác”* ở đây là thành Phật, chỉ có vãng sanh mới có thể bất thoái thành Phật. Đây là chúng ta ngay trong một đời y theo pháp môn này nhất định có thể thành tựu. Cũng tức là nói, nguyện làm cho tất cả chúng sanh lão thật niệm Phật. *“Chánh Giác”* ở đây chúng ta có thể nói thẳng là vãng sanh.

***“Nguyện đương an trụ Tam-ma-địa  
Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết”.***

(Nguyện an trụ vào Tam-ma-địa

Hằng phóng hào quang chiếu hết thảy).

Cầu thành Phật nhất định phải nhiếp Phật Tịnh Độ, như vậy thì mấy câu này là Pháp Tạng Tỳ-kheo hướng về thầy của Ngài đưa ra báo cáo tâm đắc của Ngài. Đây đều là thuộc

về tâm đắ trong sự tu học của Ngài, thành tích của Ngài, thành tựu của Ngài, cũng là trung tâm của bốn mươi tám nguyện sau này.

“*Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết*”, tịch mà thường chiếu, trí huệ quang minh nguyện lực không bỏ tất cả chúng sanh. Đức Di-đà đáng được người tán thán, đáng được người bội phục. Trên nhân địa khi vừa phát tâm thì tâm đó rất thù thắng. Quả thật không ai có thể sánh bằng. Ngài không có một ý niệm tự tư tự lợi. Niệm niệm đều vì tất cả chúng sanh, niệm niệm hy vọng tất cả chúng sanh được thành tựu viên mãn rốt ráo. Hôm nay, Ngài đã nhân viên quả mãn cho nên cảm được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều tán thán, vì sao? Tâm nguyện ở nhân địa của chư Phật Như Lai không sánh bằng A-di-đà Phật, điều này chúng ta hoàn

toàn có thể thấy được trong phần kinh văn này.

***“Cảm đắc quang đại thanh tịnh cư  
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân.”***

(Cảm được chôn thanh tịnh, rộng lớn  
Thù thắng trang nghiêm không ai bằng.)

Hai câu này là giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài thành tựu rồi. Đây là thế giới Cực Lạc do nguyện lực của đức Di-đà hiện thành. “*Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân*”, đây là nói sơ lược về trạng huống thù thắng.

***“Luân hồi chư thú chúng sanh loại***

## *Tốc sanh ngã sát thọ an lạc”*

(Chúng sanh luân hồi trong các cõi

Chóng sanh cõi con hưởng an lạc)

Điều này thật là phi thường. Lúc nãy đã nói luân hồi là “ác thú”, là chúng sanh trong lục đạo luân hồi. “*Chư thú*” bao gồm cả những chúng sanh ở địa ngục A-tỳ. Nguyện vọng của Pháp Tạng Tỳ-kheo là mong họ nhanh chóng vãng sanh thế giới Cực Lạc, đến thế giới của Ngài hưởng thọ an lạc, đó là nơi thật sự an lạc, chân thật an lạc. Quay đầu nhìn lại thế giới của chúng ta, thật đúng như lời Phật nói trong kinh Bát Đại Nhân Giác là “*quốc độ nguy thúy* (cõi nước mong manh)” không thể gọi là an cư lạc nghiệp, an cư lạc nghiệp là huyền tưởng của chúng ta, không phải là sự thật. Những danh từ này đều có quan hệ nhân



quả. “Lạc” là quả, “an” là nhân, nếu thân tâm không an thì làm sao có lạc.

Vậy làm thế nào mới được “an”? “Bình” thì “an”, bình an mà. Tâm bình thì tự nhiên an, bất bình thì lấy đâu có an? Không có an thì nhất định không có lạc. Vậy làm sao để được bình? Hòa bình. Hòa rất quan trọng. Cho nên Phật dạy chúng ta phải tu Lục Hòa Kính. “Hòa” thì tâm sẽ “bình”. “Bình” thì được “an”. “An” thì được “lạc” nó là quan hệ nhân quả. Cho nên Lục Hòa Kính vô cùng quan trọng. Lục Hòa Kính là nhân chân thật của an lạc. Đây là nói rõ sau khi đức Di-đà thành Phật đích thực là thù thắng siêu việt.

***“Thường vận từ tâm bạt hữu tình”***

(Thường vận từ tâm cứu hữu tình).

Đây là đại từ đại bi. “*Thường*” là không gián đoạn, là nói trên mặt thời gian, Phật lấy tâm đại từ bi để giúp đỡ chúng sanh hữu tình.

**“*Độ tận vô biên khổ chúng sanh*”**

(Độ tận vô biên chúng sanh khổ).

Chữ “*vô biên*” này là nói về mặt không gian, chữ “*thường*” là nói về thời gian, nói cách khác, bi nguyện, bi tâm của Ngài là tận hư không khắp pháp giới. Phạm vi này quảng đại không gì sánh bằng, không phải chỉ một khu vực, một quốc gia, một thế giới mà là tận hư không khắp pháp giới, Ngài đều niệm niệm không quên tất cả chúng sanh khổ nạn, tâm lượng này thật lớn biết bao. Cũng giống như Địa Tạng Vương Bồ-tát, “chưa độ hết chúng sanh thì không thành Phật”. Chúng ta ở chỗ này thấy được sự vĩ đại của A-di-đà Phật, cũng tức là nói nhất định phải giúp đỡ

những chúng sanh khổ não này, giúp họ ngay trong đời này thành Phật, đây là bốn nguyện của đức Di-đà, thực tế mà nói, đó cũng là nguyện vọng chung của tất cả chư Phật. A-di-đà Phật đã làm được, chư Phật Như Lai vẫn chưa làm được, vì sao Ngài làm được? Ngài dùng phương pháp xảo diệu nhất, dễ dàng nhất, dùng sáu chữ hồng danh, cho nên tất cả chư Phật Như Lai đều tán thán A-di-đà Phật, đều hộ niệm A-di-đà Phật, là nguyện vọng chung của các Ngài, Ngài đã thực hiện được. Có vị Phật nào mà không hoan hỷ chứ? Cho nên tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật bằng cách nào? Đều giới thiệu tất cả chúng sanh này đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều trao cho A-di-đà Phật. Cũng giống như Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, Ngài thành tựu cho chúng ta bằng cách nào?

Khuyên chúng ta niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tất cả chư Phật của mười phương thế giới đều như Thích-ca Mâu-ni Phật, đều khuyên mọi người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến nơi đó để tiếp nhận sự giáo hóa của Phật A-di-đà, trong một đời bất thoái thành Phật, con đường tắt để thành Phật này không có con đường nào nhanh chóng bằng. Đến chỗ này là Ngài Pháp Tạng đã báo cáo nguyện vọng, sự thành tựu trong việc tu học của Ngài rồi, bài kệ tụng sau cùng là thỉnh Phật chứng minh:

***“Ngã hạnh quyết định kiên cố lực  
Duy Phật thánh trí năng chứng tri”***

(Hạnh của con quyết định, kiên cố  
Xin Phật thánh trí chứng biết cho)

Chỉ có Phật mới có thể chứng minh cho hoằng thệ của BỒ-tát.

***“Túng sử thân chỉ chư khổ trung  
Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái.”***

(Dù cho thân ở trong các khổ

Nguyện tâm như vậy thề không thoái.)

Chúng ta cần phải học tập hai câu này, Bồ-tát tự hành hóa tha. Trong đời quá khứ của chính mình, nghiệp chướng, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay tuy có hoằng nguyện tiêu trừ, tuy có chư Phật gia trì, thế nhưng vẫn không tránh khỏi một số chướng nạn.

Từ sự thị hiện của Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật, trong truyện ký, trong Kinh điển chúng ta thấy Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật cũng chịu nhiều thử thách. Giáo hóa chúng sanh, trong số đồ đệ của Ngài cũng có người không vâng lời, cũng có người nghịch ngợm phá phách, lục quần Tỳ-kheo hằng ngày mang đến phiền phức cho Phật. Còn tại

Trung Quốc, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư sau khi đắc pháp tại Hoàng Mai, có nhiều người không phục, muốn tìm Ngài để thanh toán, thậm chí muốn mưu hại Ngài, khiến Ngài phải chạy vào trong đội thợ săn để tránh nạn. Ngài trốn hết mười lăm năm mới ra. Đây đều là Phật Bồ-tát làm gương cho chúng ta xem. Chúng ta sống trong thời đại này, cho dù có thành tâm thành ý, nhiệt tâm hoằng pháp lợi sanh, song nhất định không thể tránh khỏi chướng nạn. Khi gặp những thử thách này phải có tâm nhẫn nại, phải nghĩ đến những lời giáo huấn của Pháp Tạng Tỳ-kheo: *“Túng sử thân chỉ chư khổ trung, như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái”*. Nguyện và hành tương hợp nhau thì chúng ta mới có thể thành tựu. Nếu có nguyện mà không có hành thì nguyện này là giả, điều này chúng ta phải

biết, rất nhiều người chúng ta có nguyện  
nhưng không làm nổi. Ngày ngày đều ở trước  
Phật Bồ-tát phát nguyện nhưng một lần cũng  
chưa từng làm thì nguyện này gọi là nguyện  
suông, điều này không thể được. Vậy có hành  
mà không có nguyện thì cũng không được, vì  
sao? Vì họ không có mục tiêu, không có  
phương hướng, giống như người đi đường,  
chịu đi mà không biết đi đâu, không biết phải  
đi đến nơi nào, như vậy cũng không thể thành  
tựu. Cho nên nhất định phải hành và nguyện  
tương hợp thì mới có thể thành tựu. Mỗi vị  
đồng tu chúng ta đều phát tâm cầu sanh Tịnh  
Độ thì nhất định phải có đại nguyện, phải cầu  
thượng thượng phẩm vãng sanh, đừng học  
theo cách nói: “Tôi vãng sanh hạ hạ phẩm là  
được rồi”. Người xưa thường nói: cầu thượng  
thượng phẩm nếu không được còn có thể

được trung phẩm vãng sanh, nếu bạn đặt mục tiêu vào hạ phẩm, vậy cơ hội không được vãng sanh sẽ rất nhiều. Đó gọi là chọn mục tiêu cho cao, để rớt xuống còn vừa, nếu “chọn mục tiêu thấp thì sẽ không đạt được mục tiêu. Cho nên nguyện vọng của chúng ta phải là thượng thượng phẩm, cố gắng tiến lên phía trên, đây là chính xác. Đương nhiên đối với phẩm vị đừng có so đo, đừng có chấp trước, ta nhất định nỗ lực, ta nhất định hướng thượng như vậy là chính xác. Vậy muốn phẩm vị tăng cao thì nhất định phải y theo lời giáo huấn của Tịnh Độ Tam Kinh, phải học thuộc Tam Kinh là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A-di-đà, thuộc lâu lâu, phải thông hiểu rõ ràng. Không những phải thuộc mà còn phải hiểu rõ, biến những lời giáo hóa trong Kinh thành tư tưởng



của chính mình, biến thành nguyện vọng của chính mình, biến thành hành vi của chính mình. Như vậy thì trong sinh hoạt hằng ngày, xử sự đối người tiếp vật đều được tương ứng, không trái ngược với lời giáo huấn trong kinh điển. Đây là đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với Di-đà, Thích-ca cho đến mười phương chư Phật, cái duyên này thù thắng không gì sánh bằng. Khi vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì phẩm vị đương nhiên cao, đây là đạo lý nhất định. Cho nên chúng ta phải ghi nhớ: “*như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái*”. Xin xem phẩm tiếp theo:

## CHÍ TÂM TINH TẤN ĐỆ NGŨ PHẨM THỨ NĂM: CHÍ TÂM TINH TẤN

Phẩm này giới thiệu giải môn trong hai môn giải hành. “*Chỉ tâm tinh tấn*” là các thứ tâm hạnh chí thành vô thượng. Trong phẩm này, chúng ta học tập được rất nhiều thứ. Người xưa thường nói *nhập đạo yếu môn* (cửa thiết yếu vào đạo) thì phát tâm là hàng đầu. Cho nên phát Bồ-đề tâm vô cùng quan trọng. Trọng yếu của việc tu hành là trước tiên phải lập nguyện. Chúng ta muốn tu hành thì phải có nguyện trước, nếu không có nguyện thì sự tu hành này không có phương hướng, không có mục tiêu, hành sẽ vô ích. Chúng ta xem phần Kinh văn:

***“Pháp Tạng Tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: “Ngã kim vi Bồ-tát đạo, dĩ phát Vô Thượng Chánh Giác chí tâm, thủ nguyện tác Phật, tất linh như Phật. Nguyện***

*Phật vì ngã, quảng tuyên kinh pháp, ngã đương phụng trì, như pháp tu hành”*”.

(Pháp Tạng Tỳ-kheo nói bài kệ này rồi liền bạch Đức Phật rằng: “Con nay tu đạo Bồ-tát, đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, giữ nguyện làm Phật, tất được như Phật. Nguyên Đức Phật vì con mà rộng giảng kinh pháp, con xin phụng trì, tu hành đúng như pháp”).

Đây là nói rõ Ngài đã thực sự phát nguyện rồi, đích thật phù hợp với lời dạy bảo của Cổ Đức. Ngài nói với thầy của Ngài rằng: “*Ngã kim vì Bồ-tát đạo*”, đây không phải vì mình, Bồ-tát lấy việc độ chúng sanh làm mục tiêu. Chúng ta cũng phải thường phản tỉnh, trong đời này chúng ta rốt cuộc là vì cái gì? Pháp Tạng sau khi đã giác ngộ thì Ngài vì đạo Bồ-tát. Còn chúng ta là vì cái gì? Xin thưa quý vị nếu không phải vì Bồ-tát đạo thì sẽ vì lục đạo

luân hồi, đây đều là sự thật chân chánh. Những gì chúng ta nghĩ, chúng ta làm hoàn toàn là tạo nghiệp lục đạo luân hồi, vậy thì làm sao có thể thoát ly khổ hải chứ? Cho nên ở chỗ này chúng ta phải cảnh giác. Người ta làm quốc vương, việc họ làm là nghiệp luân hồi, xả bỏ ngôi vua xuất gia tu đạo, vì đạo Bồ-tát thì đã siêu việt luân hồi rồi. Cho nên họ sống có mục tiêu, tu học có phương hướng. *Con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác*, đây chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như Thiện Tài Đồng Tử đi tham phỏng thiện tri thức, vừa mở miệng là nói: “Tôi đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”, hoàn toàn giống với ý nghĩa câu nói này. Vô Thượng Chánh Giác nói ở đây chính là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“*Thủ nguyện tác Phật*”, học Phật rồi, bạn xem, mục tiêu phương hướng của Ngài rất chính xác. Ta học Phật để là gì? **Học Phật tức là phải làm Phật.** Chúng ta thử nghĩ, ngày nay chúng ta học Phật, chúng ta cầu cái gì? Cầu Phật Bồ-tát bảo hộ chúng ta thăng quan phát tài, cầu thân thể mạnh khỏe, người nhà bình yên vui vẻ, là cầu những thứ này, có phải là tệ hại hay không? Chỗ cầu đó vẫn là lục đạo luân hồi. Khẩu khí của các Ngài khác hẳn, các Ngài đến để làm Phật cho nên các Ngài thành Phật. Trong tâm chúng ta không có ý niệm của Phật, cho nên đời đời kiếp kiếp không thể làm Phật. Nguyên nhân là ở chỗ này, chúng ta không thể không biết. Ngày nay chúng ta muốn học Phật, chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta nhất định phải phát nguyện làm Phật giống như A-di-đà Phật. Không những tương

lai đến thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như A-di-đà Phật mà ngay bây giờ tâm hành của chúng ta cũng phải giống như A-di-đà Phật. Tư tưởng, hành vi của A-di-đà Phật ở ngay trong quyển kinh này, chúng ta ngày ngày tụng kinh này, hy vọng biến những điều nói trong Kinh điển thành tâm nguyện, hành vi của chính mình. Đây gọi là học Phật. Bởi vì Ngài muốn làm Phật cho nên mới yêu cầu thầy dạy cho Ngài phương pháp để làm Phật.

*“Nguyện Phật vị ngã, quảng tuyên kinh pháp”*. Đây là cầu pháp, cầu phương pháp *“quảng tuyên kinh pháp”*, pháp môn vô lượng thế nguyện học, *“Ngã đương phụng trì, như pháp tu hành”*. Hai câu này vô cùng quan trọng. Đây là thái độ thỉnh pháp của kẻ làm học trò. Nếu không có thái độ này thì thầy giảng cho bạn, giảng rồi cũng như cơn

gió qua tai, bạn vẫn không làm được, vậy giảng không phải là uổng công hay sao? Vậy thì thầy sẽ không giảng cho bạn. Còn Ngài là thật, Ngài “*phụng trì như pháp tu hành*”. Nói cách khác, Ngài thật sự tu hành, thầy dạy Ngài thế nào thì Ngài làm thế đó, một trăm phần trăm lão thật đi làm. Đây đích thật là một học trò giỏi. Một vị thầy gặp một học trò như vậy thì nhất định rất nghiêm túc, rất dụng tâm để chỉ dạy. Đây là thái độ của kẻ làm học trò.

**“*Bạt chư cần khổ, sanh tử căn bản*”.**

(Dứt sạch gốc khổ sanh tử).

Mục tiêu thứ nhất của việc tu hành là phải thành tựu đức hạnh của chính mình, muốn thành tựu đức hạnh thì phải đoạn dứt phiền não tập khí của chính mình. Những phiền não tập khí này chính là gốc sanh tử từ vô thủy

kiếp, cần phải nhổ trừ sạch sẽ gốc rễ, cái gốc đó chính là tham sân si tam độc phiền não. Đây là gốc, thật sự nhổ bỏ cái gốc này thì mới là chân tu, mới là giác ngộ chân chánh. Chúng ta từ trong Thiên Tông Ngũ Lục thường thấy tán thán cách tu hành này là tu từ căn bản. Cái gì là căn bản? Tham sân si là căn bản, phải tẩy trừ hết những thứ này, thật sự giữ tâm nhổ trừ tham sân si thì con người này thật sự giác ngộ, thật sự đang tu hành.



***“Tốc thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.***

(Mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Câu này là câu chứng quả, thành Phật đạo vô thượng. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

***“Dục linh ngã tác Phật thời, trí huệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương”.***

(Nguyện khi con thành Phật, trí huệ hào quang, tiếng tăm quốc độ, giáo thọ, danh hiệu của con lan khắp mười phương).

Nguyện này rất đặc biệt, chư Phật khác không phát nguyện này, còn Pháp Tạng thì phát nguyện như vậy. Khi Ngài thành Phật, hào quang trí huệ của Ngài, quốc độ cư trú là thế giới Cực Lạc, *giáo thọ danh tự* trong đây

có người, có pháp. Người là A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, chúng ta gọi là Tây Phương Tam Thánh. Còn pháp là sáu chữ hồng danh hoặc gọi là Tịnh Độ tam Kinh. Danh hiệu công đức đây là phương pháp. “*Giai văn thập phương*”, không phải là một thế giới, hai thế giới, mười thế giới, trăm thế giới mà là tận hư không khắp pháp giới, không một nơi nào mà không biết có A-di-đà Phật, không có một địa phương nào mà không biết có thế giới Cực Lạc. Chúng ta không thể nói đây là Tây Phương, từ chỗ này của chúng ta mà nói thì là thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu từ phương Tây của thế giới Tây Phương Cực Lạc thì sao? Thì người bên đó gọi là Đông Phương thế giới Cực Lạc? Cho nên nói không thể gọi đây là Tây Phương, Tây Phương là

chúng ta gọi. Trong chu vi của nó khi nói về phương hướng thì phương hướng không như nhau. Cho nên nói họ đều biết thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật, tất cả chư Phật Như Lai đều giảng Di-đà Tam Kinh. Cho nên khắp cả mười phương đều nghe đến danh hiệu của Tam Kinh. Lúc ban sơ Phật A-di-đà đã có nguyện này, ngày nay đã thành Phật, quả thật đã hiện thực được rồi. Chư Phật khác lúc còn trong nhân địa không phát nguyện này. Các vị đồng tu thử nghĩ xem, quý vị đã phát nguyện này chưa? Chúng ta chưa từng phát nguyện này, cũng không khởi ý niệm này. Vậy thì quý vị tương lai thành Phật không sánh bằng Phật A-di-đà, Ngài thật là phi thường, thật là thù thắng.

***“Chư thiên nhân dân, cập quyên nhuyển loại”.***

(Trời người cho đến chúng sanh trong ba đường ác).

Câu này là nói lục đạo chúng sanh trong mười phương thế giới, hầu như thế giới của mỗi vị Phật đều có lục đạo. Giống như thế giới Ta-bà này của Thích-ca Mâu-ni Phật cũng có lục đạo, lục đạo chúng sanh rất khổ.

***“Lai sanh ngã quốc, tất tác BỒ-tát”***.

(Sanh vào cõi nước con đều là BỒ-tát).

Hai câu này vô cùng quan trọng. Tại sao pháp môn này thù thắng? Tại sao tất cả chư Phật đều tán thán pháp môn này? Thật sự là phi thường. Trong lục đạo, những loại “nhuyển động” là chỉ cho tam ác đạo súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tất cả đều là BỒ-tát. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có lục đạo, người, trời đều không có, cũng không có

Thanh Văn, Duyên Giác, toàn là Bồ-tát. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc chính là Bồ-tát hơn nữa không phải là Bồ-tát hạng thường. Phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Bởi vì sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tất cả đều tuân tu theo đức của Phổ Hiền Đại Sĩ, tất cả đều tu mười đại nguyện vương, tất cả đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Phổ Hiền Bồ-tát thù thắng nhất trong tất cả Bồ-tát. Trong Kinh Hoa Nghiêm Phật có nói: “Bồ-tát nếu không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo”. Nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc, người người đều tu hạnh Phổ Hiền, cho nên một đời viên mãn thành Phật. Đây chính là vì sao trong vô lượng Pháp môn chúng ta lại chọn pháp môn Tịnh Độ? Tức là hai câu này. Trong các pháp môn khác không có, trong các kinh điển khác

cũng không có. Đây là lợi ích chân thật. Xin xem hai câu tiếp theo, càng không thể nghĩ bàn.

***“Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả”.***

(Nguyện con lập đây tất cả đều hơn các cõi Phật khác).

Điều này đích thực là hy hữu. Trước kia tôi đọc kinh, khi mới xem quyển Lục Tổ Đàn Kinh, tôi rất bội phục Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư, tâm lượng của Ngài quả thật là phi phàm. Ngài đến Hoàng Mai để lễ bái Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Ông đến đây làm gì?” Ngài nói: “Con đến để làm Phật”. Khẩu khí này thật là phi thường. Chúng ta chưa từng nghĩ đến, chúng ta cũng chưa từng thấy người nào đến chùa học Phật mà nói tôi đến để làm Phật, chưa từng nghe qua, cũng chưa từng thấy qua.

Lục Tổ có khẩu khí lớn như vậy nên sự thành tựu của Ngài quả thật khác hẳn với người. Cho nên nói “học Phật để làm Phật”, điều này chúng ta có nghe qua. Còn Ngài Pháp Tạng thì lại khác, không những Ngài phải làm Phật mà còn vượt hơn vô số chư Phật. Ngài phải thù thắng hơn, siêu vượt hơn tất cả chư Phật khác, điều này chưa từng nghe qua. Đích thực trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa khác, chúng ta chưa từng thấy ai có khẩu khí như vậy. Chỗ này chúng ta có thể thấy được tâm lượng của Ngài, có thể thấy được nguyện vọng của Ngài. Tại sao làm Phật mà còn phải vượt qua tất cả chư Phật? Mục đích là phải phổ độ tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh trong thời gian nhanh nhất có thể viên thành Phật đạo, Ngài thật sự đã làm được. Đoạn này là Ngài Pháp Tạng trần thuật đại

nguyện của Ngài, hỏi Phật có thể mãn nguyện này được chăng? “***Ninh khả đắc phủ?***” (có được chăng?). Ngài phát nguyện này, có thể đạt được chăng? Có thể mãn nguyện này chăng? Chúng ta xem tiếp đoạn sau.

***“Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng nhi thuyết Kinh ngôn:”***.

(Đức Phật Thế Gian Tự Tại Vương liền vì Pháp Tạng mà nói kinh rằng).

Vị thầy gặp được một học trò như vậy, trong sự tưởng tượng của chúng ta, nhất định là vui mừng vô hạn, đích thật đã tìm được người để truyền trao, có thể đem gia nghiệp của Như Lai phó thác cho người này, cho nên nói pháp cho Ngài, “*thuyết kinh*” tức là nói pháp cho Ngài.

***“Thí như đại hải nhất nhân đầu lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng đễ”***.



(Thí như có người lường nước biển, trải qua nhiều kiếp còn có thể đến đáy).

Trước tiên là dùng tỉ dụ để nói. Phật nói pháp, đích thực có rất nhiều người từ trong tỉ dụ mà hiểu rõ, lĩnh hội được nghĩa chân thật trong lời thuyết pháp của Phật. Cho nên chỗ này cũng dùng tỉ dụ mà nói. Tỉ như biển lớn, biển rất lớn một người dùng cái đầu để đong nước biển, có thể đong hết nước biển chăng? Nếu nói là trải qua kiếp số, cho anh ta thời gian rất dài, dài vô hạn để anh ta từ từ mà đong, cũng có thể đong hết lượng nước biển này. Vậy ý này là nói rõ thiên hạ không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền, ám chỉ Pháp Tạng Tỳ-kheo rằng ông có thể đạt được nguyện này. Trước tiên cho Ngài một tỉ dụ ám chỉ, sau đó mới dạy Ngài.

***“Nhân hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất  
chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất  
đắc”.***

(Người hết lòng cầu đạo tinh tấn không  
dứt, quyết sẽ được kết quả, nguyện gì mà  
chẳng thành).

Đây là khẳng định nói với Ngài, nguyện  
vọng của Ngài có thể được thỏa mãn, chỉ cần  
Ngài chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng.  
“*Chí tâm*” là chân tâm, thành tâm, cầu bằng  
tâm chân thành, lại có thể tinh tấn không  
ngừng thì bạn có thể đắc đạo. Ngày nay  
chúng ta học Phật, tu đạo, công phu của  
chúng ta không đặc lực. Niệm Phật, hỏi bạn  
có nắm chắc vãng sanh hay không? Không  
chắc chắn. Bệnh là từ đâu sanh ra? Là vì  
chúng ta không có chí tâm, chúng ta cũng  
không tinh tấn. Tuy vẫn tụng kinh, niệm Phật

nhưng trong tâm vẫn không biết còn bao nhiêu việc hỗn tạp, lộn xộn, bồn chồn, lo lắng. Đây không phải là chí tâm, là tạp tâm niệm Phật, vọng tâm niệm Phật, lại chưa thể tinh tấn không ngừng, cho nên công phu này đương nhiên không đắc lực. Tiền đồ đạo nghiệp tự nhiên sẽ mờ mịt, chúng ta tìm ra nguyên nhân của bệnh rồi, tiêu trừ cái nhân này đi thì công phu của chúng ta tự nhiên sẽ đắc lực. Nguyên này của Ngài Pháp Tạng thật không thể nghĩ bàn, vượt qua hoằng nguyện của tất cả chư Phật. Ngài đều có thể thực hiện, chúng ta ngày nay cầu vãng sanh, nguyện vọng này làm sao có thể không thành tựu chứ. Chúng ta xem phần Kinh văn tiếp theo:

***“Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như***

*sở tu hành, nhữ tự đương tri, thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp”.*

(Ông tự suy nghĩ tu phương tiện nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Việc tu hành như thế ông nên tự biết, với việc thanh tịnh cõi Phật, ông nên tự nhiếp).

Câu này là hỏi lại, Phật Tự Tại Vương nói với Ngài, trong đoạn này có ba chữ “*tự*” là: *Nhữ tự tư duy, nhữ tự đương tri, nhữ ưng tự nhiếp*. Ý của câu nói này là: Tự ông đã hiểu rõ tất cả, không cần tôi chỉ dạy nữa. Cho nên bộ kinh điển này phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, phần kinh văn tuy không dài nhưng đã bao quát được tất cả ý thú của Phật pháp Đại Thừa ở trong đó. Ở chỗ này không chỉ là Giáo mà còn có Mật, có Thiền. Cách nói của đoạn này hoàn toàn là ngữ khí của Thiền Tông, dụng ý rất sâu. Ba chữ “*tự*” này

là “trực chỉ nhân tâm”, không hai không khác với giáo học của Thiền Tông, hoàn toàn là chỉ cho chân tâm tự tánh của người đương cơ. Bởi vì tất cả pháp đều không rời tự tánh, trong Tịnh Tông gọi là “*thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*”. Chúng ta vừa vào cửa Phật thì mong được thọ Tam Quy, Tam Quy gọi là Tam Tự Quy tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng. Ý nghĩa bên trong rất sâu. Phải phát khởi tâm chân thành thì nhất định bao hàm quả địa chân thật của chư Phật, vì nhân quả là đồng thời. Cho nên Phật lấy hoa sen để biểu pháp, hoa sen là nhân quả đồng thời. Nở hoa là nhân, hoa vừa nở thì trong đài sen đã có hạt, hạt sen là quả, cho nên không dùng các loại hoa khác làm đại biểu mà dùng hoa sen đại biểu cho nhân quả đồng thời. Cho nên Bồ-tát vừa phát nguyện thì quả ấy liền âm thầm

hàm chứa bên trong rồi. Ý nghĩa này thật sâu, “*nhân triệt quả hải, quả triệt nhân duyên*” (nhân bao trùm biển quả, quả thấu triệt nguồn nhân). Điều này trong Phật pháp Đại Thừa thường giảng đến, hễ bạn chịu tinh tấn thì nguyện vọng nhất định sẽ không luống uổng, nhất định có thể chứng đắc. Vậy thì ba chữ “*Tự*” này là Phật Tự Tại Vương truyền thọ cho Ngài, chỉ dẫn cho Ngài, hiển thị lòng đại từ đại bi, thương yêu bảo hộ Ngài sâu sắc, không phải người thường có thể lĩnh hội được, có ý nghĩa rất sâu trong đó. Trong chú giải Cổ Đức nói với chúng ta trong này ít nhất có ba ý nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất là nhân trong quá khứ của Pháp Tạng Tỳ-kheo nhất định vô cùng thâm sâu. Sự việc này chúng ta có thể lĩnh hội được. Trong Kinh này Phật nói rất rõ ràng,

vào thời kỳ mạt pháp chúng ta nghe đến danh hiệu của Phật, tiếp xúc đến Kinh Vô Lượng Thọ hoặc là Tịnh Độ Tam Kinh, Ngũ Kinh, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, đều là trong đời quá khứ từ vô lượng kiếp đến nay thiện căn phước đức đã trồng hiện nay đã thành thực. Nếu không phải nhân sâu dày như vậy thì kiếp này cho dù gặp được cũng không thể tin thọ phụng hành. Lấy đây mà suy ra thì cái nhân của Pháp Tạng Tỳ-kheo nhất định là vô cùng sâu dày. Cho nên Thế Tôn vừa mới điểm như vậy thì Ngài liền khai ngộ, giống như trong Thiền Tông gọi là được đại triệt, đại ngộ từ lời nói. Vị thầy này dùng phương pháp này nhưng Ngài không biểu diễn như vậy. Trong này cũng hàm chứa ý nghĩa rất sâu, bởi vì nếu tại chỗ này thầy gợi ý như vậy mà Ngài liền hoát nhiên đại ngộ thì đây

không gọi là Tịnh Tông, mà gọi là Thiên Tông. Cho nên thầy dùng phương pháp này nhưng Ngài cố ý giả vờ không hiểu. Đây là tôn trọng nhị lực Pháp môn, chỉ rõ ý thú của Tịnh Tông. Đây là ý nghĩa thứ nhất.

- Ý nghĩa thứ hai là nói *Nhiếp Thủ* quốc độ của chư Phật. Điều này cũng không có định pháp, đều là tùy tâm nguyện của cá nhân. Có người thích ở tịnh độ, có người lại thích ở uế độ như Thích-ca Mâu-ni Phật, Ngài ở uế độ. Còn Địa Tạng Vương Bồ-tát thì phát nguyện phải độ chúng sanh nơi địa ngục. Địa ngục thì không ai muốn đến nhưng Ngài lại thích đến, đây là tâm nguyện của mỗi cá nhân không giống nhau. Cho nên câu hỏi này cũng hỏi rất đúng lúc, quốc độ thanh tịnh này là do ông tự nhiếp, đây là nguyện vọng của chính ông, cũng không cần Phật đến chỉ định, tùy theo



nguyện vọng của chính ông, tùy nguyện đều có thể thành tựu.

- Ý nghĩa thứ ba: Phạm là Tịnh Độ thì có hóa độ, có báo độ, hóa báo cao diệu. Không phải Bồ-tát có thể nhiếp thủ được, nhất định phải là quả địa Như Lai, nhưng nhiếp thủ vẫn phải nhờ vào chính mình. Cho nên Phật nói “*nhĩ tự đương tri*”. Vậy thì những chỉ thị này trong Thiên Tông gọi là “hướng thượng chi sự”. Chữ thượng này tức là trên quả địa Như Lai, không phải là Bồ-tát thông thường tự thấy được, đương nhiên không phải là chỗ phạm phu có thể phỏng đoán được, cũng không phải phạm tình có thể lý giải nổi. Bên trong hàm chứa nhiều thâm ý như vậy. Chúng ta lại xem thái độ của Ngài Pháp Tạng.

***Pháp Tạng bạch ngôn: “Tư nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới. Duy nguyện Như***

*Lai Ứng Chánh Biến Tri, quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát. Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện”.*

(Pháp Tạng bạch rằng: “Nghĩa ấy quá sâu rộng, không phải cảnh giới của con hiểu được. Nguyên Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri rộng nói vô lượng cõi nước vi diệu của chư Phật. Nếu con được nghe các pháp như vậy rồi, suy nghĩ tu tập, thệ nguyện con mới được viên mãn”).

Đây là nói Thế Gian Tự Tại Vương Phật vừa mới chỉ dẫn như vậy, ba chữ “*tự*” này, Ngài đều **không** thể bỗng nhiên đại ngộ. Nếu bỗng nhiên đại ngộ thì sẽ không có phía sau nữa, vậy thì biến thành Thiên Tông rồi, Ngài vẫn chưa tiếp thọ được. Trong này cũng chứa ý nghĩa rất sâu, tức là đem chính mình để qua

một bên, hoàn toàn nương tựa vào Phật. Tịnh Tông gọi là Pháp môn Nhị Lực, chúng ta phải nương nhờ Phật lực. Thiên Tông hoàn toàn nhờ vào chính mình, không nhờ Phật lực, cho nên sự chỉ thị của ba chữ “*tự*” này là không cần nhờ vào Phật lực, nhưng Ngài vẫn không thể đảm đương mà vẫn phải nhờ vào Phật nên biến thành Tịnh Tông. Tịnh Tông và Thiên Tông khác nhau là ở chỗ này.

“*Tư nghĩa hoằng thâm*”, là chỉ cho Ngài thành Phật phải vượt qua chư Phật. Phật quốc của Ngài phải vượt hơn quốc độ của chư Phật, nghĩa này quá sâu. “*Phi ngã cảnh giới*”, là cảnh giới không phải Bồ-tát có thể lý giải được, đây là cảnh giới của Phật. Thực tế mà nói, đại nguyện của A-di-đà là Ngũ Thừa bình đẳng đồng thời nhập vào báo độ, đích thật trong tất cả cõi nước của chư Phật đều không

có. Ngũ thừa là gì? BỒ-tát (như Văn-thù, Phổ Hiền), Duyên Giác, Thanh Văn, phía dưới là lục đạo chúng sanh, đây là phàm phu. Phương pháp “Tín, Nguyện, Trì Danh” là giống nhau. BỒ-tát cũng dùng phương pháp này, La-hán cũng dùng phương pháp này, chúng ta cũng dùng phương pháp này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng vẫn dùng phương pháp này. “Tín, nguyện, trì danh” thì có thể vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Sanh đến thế giới Cực Lạc là bình đẳng, đều là BỒ-tát. Đến bốn mươi tám nguyện ở phía sau, quý vị sẽ thấy tất cả đều là BỒ-tát A-đuy-việt-trí, là BỒ-tát viên chứng Tam Bất Thoái. Điều này thì thập phương thế giới không có. Thực tế là vượt hơn tất cả cõi nước của chư Phật. Thế Tôn trong tất cả kinh luận khác đã giới thiệu với chúng ta, chư Phật ở thế giới phương khác

chưa từng nói qua, những chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý mới biết được pháp môn này là thù thắng, pháp môn này đối với chúng ta có quan hệ quá mật thiết. Chúng ta có được pháp môn này thật là như được vật quý nhất, thù thắng không gì sánh bằng.

Phần dưới là câu Phật, “*duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri*”, chữ “Ứng” này là Ứng Cúng, “*Chánh Biến Tri*”, phía trước đã giới thiệu đức hiệu này. “*Quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát*”, đây là câu Phật giới thiệu cho Ngài vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật, đây tức là chỗ Ngài muốn tu học. Con người, cũng tức là tất cả chúng sanh hiện tiền có thể có được hạnh phúc vui vẻ, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội hài hòa, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình cực kỳ tốt đẹp. Đây là mục đích của Phật

giáo hóa chúng sanh. Pháp Tạng Tỳ-kheo muốn biết tất cả chư Phật đã tu nhân chứng quả như thế nào? Chúng sanh trong tất cả cõi nước của chư Phật, tướng chân thật của nhân duyên quả báo. Ngài muốn biết những thứ này để làm gì? Vì muốn xây dựng, Ngài muốn vượt hơn bản mẫu nguyên thủy của tất cả thế giới của chư Phật.

Thế giới Cực Lạc thành tựu không phải tưởng tượng không có căn cứ mà thành tựu do tập hợp mọi thứ tốt đẹp của tất cả cõi nước chư Phật. Những thứ tốt đẹp ở mười phương thế giới chư Phật thì A-di-đà Phật đều chọn lấy tất cả, còn những gì không tốt thì đều xả bỏ. Tỉ dụ như trong tất cả thế giới của chư Phật có tam ác đạo, có lục đạo luân hồi, Ngài không cần. Trong tất cả thế giới của chư Phật có những thứ thù thắng nhất, tốt nhất, Ngài

đều chọn lấy. Điều này thực tế mà nói là vô cùng hợp tình hợp lý. Tỉ như Singapore của quý vị tuy diện tích không lớn nhưng từ chính phủ đến nhân dân, quý vị đều có trí huệ, đều có nhãn quan, đến các nước khác trên thế giới để tham quan khảo sát. Địa phương nào tốt chúng ta đều học tập, chỗ nào không tốt chúng ta loại ra, như vậy thì Singapore sẽ trở thành thế giới Cực Lạc trên trái đất này. Điều này phải làm không phải là nằm nhà bổng không mà tưởng tượng ra. Cho nên thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật thành tựu như vậy quả thật khiến người phải bội phục. Phương thức suy nghĩ khảo sát này hợp tình, hợp lý, hợp pháp, điều này rất phi thường. Cũng cho chúng ta một gương mẫu tốt nhất.

Ngày nay chúng ta tu học nên chọn lấy phương pháp này. Chúng ta nhìn người khác,

người ta vì sao sống hạnh phúc như vậy, vui vẻ như vậy, chúng ta học tập họ, tìm ra nguyên nhân không vui vẻ không hạnh phúc, đem nó tiêu trừ thì quả báo của chúng ta hiện tiền ngay. Gia đình của họ tại sao lại viên mãn? Xã hội của họ tại sao yên ổn như vậy? Chúng ta tại chỗ này học được phương pháp rồi, nếu quả thật có thể y giáo phụng hành thì hiện tại có được lợi ích thù thắng không gì sánh bằng. Đây là đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hành với A-di-đà Phật. Chúng ta lại có một tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm từ bi cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì nhất định được thượng thượng phẩm vãng sanh. Sự lợi ích của kinh điển đích thực là vô lượng vô biên, chúng ta chú tâm đọc tụng, tư duy, đem nó thực hành trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta thì kinh điển này



mới hữu dụng. Không phải niệm một cách uổng công, niệm một cách trống rỗng mà đích thật hữu dụng, chắc chắn có thể thay đổi cuộc sống hiện tại của chúng ta, có thể thay đổi cuộc đời của chúng ta, khiến chúng ta đạt được mục đích như nguyện, mãi được nguyện.

Đoạn sau đây thì dễ hiểu hơn, “*nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thế mãi sở nguyện*”. Đây là mọi chỗ Ngài đều hướng về thầy để tỏ rõ nhất định sẽ hết lòng thực hành lời dạy bảo của thầy. Hai chữ “*tu tập*” tức là nghiêm túc làm. Cho nên Ngài muốn biết nhiều, hiểu nhiều, hầu tự mình có chỗ chọn lựa ở trong đó.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

